TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/DS-ST
Ngày 30 tháng 5 năm 2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thám

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Huy Châu và bà Trần Thị Ánh Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phan Ý Vy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Quy Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2023/QĐXX-ST ngày 05 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1953

Nơi cư trú: Tổ B, ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Văng Thị V, Trợ giúp viên pháp lý, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh A.

Địa chỉ trung tâm: Số H đường L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Võ Minh H, sinh năm 1974;

Nơi cư trú: Tổ B, ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện C;

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang.

3.2. Ông Võ Minh T, sinh năm 1976;

3.3. Ông Võ Minh V1, sinh năm 1978;

3.4. Ông Võ Văn G, sinh năm 1984.

Cùng cư trú: Tổ B, ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

3.5. Bà Lê Thị Kiều N1, sinh năm 1981;

3.6. Ông Lê Văn Sơn E, sinh năm 1989 (chết ngày 08/02/2022, theo giấy khai tử số 54/TLKT-BS ngày 14/02/2022 của UBND xã K);

3.7. Bà Lê Thị Kiều E1, sinh năm 1989;

3.8. Ông Lê Văn Phước Đ, sinh năm 1990;

3.9. Em Lê Văn D, sinh năm 2002;

3.10. Em Nguyễn Thị Triều T1, sinh năm 2008;

3.11. Em Nguyễn Thị Mỹ T2, sinh năm 2010;

3.12. Em Võ Ngọc Anh T3, sinh năm 2013;

- Người đại diện theo pháp luật của em Nguyễn Thị Triều T1, sinh năm 2008; em Nguyễn Thị Mỹ T2, sinh năm 2010 và em Võ Ngọc Anh T3, sinh năm 2013, có bà Lê Thị Kiều E1 (là mẹ ruột của Triều T4, M và Anh T5).

- Người đại diện theo ủy quyền của các ông, bà: Lê Thị Kiều N1, Lê Thị Kiều E1, Lê Văn Phước Đ và Lê Văn D, có bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1953 (Theo giấy ủy quyền ngày 17/02/2023, số công chứng: 920, quyển số: 02/2023 TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng C, tỉnh Bình Dương).

Cùng cư trú: Tổ B, ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa các bà: Nguyễn Thị N, Văng Thị V (có mặt); các ông: Võ Minh H, Võ Minh T, Võ Minh V1 và Võ Văn G (có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng); Ủy ban nhân dân huyện C (có văn bản xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Về nguồn gốc đất tranh chấp là của ông bà để lại cho chồng bà là ông Lê Văn L, cho nên vào năm 1974 vợ chồng bà cất nhà ở và sử dụng đất ổn định cho đến nay, đất tọa lạc tại ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang, trong quá trình sử dụng đất vợ chồng bà có thực hiện nghĩa vụ đóng thuế nhà, đất đầy đủ.

Vào năm 2001, đoàn Đ1 đến đo đất, không có mặt vợ chồng bà ở nhà, nên bà Ú kê khai luôn phần đất bà đang sử dụng, bà không có ký tên vào hồ sơ hay văn bản nào cho bà Ú xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bà Ú được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN số 03149 QSDĐ/hB ngày 07/06/2001với diện tích 833m^2, thửa 06, tờ bản đồ 15, đất tọa lạc tại xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

Đến tháng 6 năm 2008 bà Trần Thị Ú1 (chết), tháng 8 năm 2012 chồng bà N là ông Lê Văn L (chết). Đến tháng 6/2020, bà N có sửa chữa, xây dựng lại căn

nhà do đã xuống cấp thì ông Võ Minh H (con bà Trần Thị Ú1) ra ngăn cản không cho xây dựng, ông H cho rằng căn nhà bà N đang ở là trên phần đất của bà Ú1 mẹ ông H nên hai bên phát sinh tranh chấp.

Nay bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Công nhận cho bà N được quyền sử dụng đất có diện tích ngang 4m, dài 20 m, đất tọa lạc tại ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang;

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: 03149QSDĐ/hB do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 07/06/2001 cho bà Trần Thị Út .

Từ khi tranh chấp cho đến nay hiện trạng ngôi nhà (ngang 4m, dài 20m, kết cấu khung sườn gỗ cây tạp, vách tole, mái tole, nền đất), vẫn giữ nguyên hiện trạng không có thay đổi. Bên hông nhà của bà N có lối đi từ đường liên xã vào nhà của ông Võ Minh H có diện tích chiều ngang khoảng 1m.

Đối với Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 07/11/2022 do Văn phòng Đ2 Chi nhánh C1 thực hiện thì bà N thống nhất. Tuy nhiên, lối đi từ đường liên xã vào nhà của ông Võ Minh H có diện tích chiều ngang khoảng 1m hơi hẹp khó lưu thông xe gắn máy qua lại, nên bà N đồng ý, tự nguyện cắt giảm diện tích phần đất bà đang sử dụng cho lối đi vào nhà ông H được rộng thêm chiều ngang 0,5m, dài từ đường liên xã vào nhà của ông Võ Minh H. Đến ngày 24/4/2023, Văn phòng Đ2 Chi nhánh C1 thực hiện điều chỉnh Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp giảm diện tích 14,1m^2, hiện trạng sử dụng còn lại diện tích 65,5 m^2 tại các điểm 1, D, E, 31, 8.

- Bị đơn ông Võ Minh H có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Tại biên bản xác minh ngày 03/3/2021 (bút lục: 56), ông H trình bày: Bà Trần Thị Ú1 là mẹ ruột (chết năm 2008), ông Võ Minh T6 là cha ruột (chết năm 1986), nguồn gốc đất là của ông nội để lại cho cha ông là ông T6. Đến năm 2001, bà Trần Thị Ú1 được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03149 ngày 07/6/2001, diện tích 833 m^2. Trên đất có 02 căn nhà, căn nhà của bà Ú1 hiện ông H đang sử dụng và căn nhà của bà Nguyễn Thị Nhĩ c khoảng trên 30 năm, trong quá trình sử dụng bà N sửa chữa nhiều lần không kiên cố.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Các ông Võ Minh T, Võ Minh V1 và Võ Văn Giàu có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Tại biên bản làm việc ngày 14/4/2022 (bút lục: 145), ông Võ Minh V1 và Võ Văn G trình bày: Ông V1, ông G cùng trình bày: Ông Võ Minh T6 là cha ruột (chết 1986), bà Trần Thị Ú1 là mẹ ruột (chết 2008), ông Võ Minh H và ông Võ Minh T là anh ruột của các ông. Ông V1, ông G cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp là của ông bà để lại cho cha các ông, sau khi cha các ông chết thì bà Ú1 là mẹ của các ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng thời các ông cũng xác nhận tại thời điểm bà Ú1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì trên đất đã có tồn tại căn nhà của bà Nguyễn Thị Nhĩ c trước năm 1975, các ông nghe bà Ú1 nói lại là ông bà nội của các ông cho bà N ở nhờ trên đất đến hết đời

bà N. Ngoài ra, các ông không có giấy tờ gì chứng minh nguồn gốc đất là bà N ở nhờ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện C có Văn bản trình bày ý kiến tại Công văn số 770/UBND-NC ngày 30/3/2022 với nội dung như sau:

Nguồn gốc đất cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Nguồn gốc đất là do bà Trần Thị Ú1, bà Nguyễn Thị N sử dụng ổn định từ trước năm 1975. Diện tích khoảng 850m^2. Đất tọa lạc tại ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang. Trên đất gồm có 02 căn nhà: nhà của vợ chồng bà Nguyễn Thị N ở phía trước và nhà của bà Trần Thị Ú1 ở phía sau.

Về trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

Khi có chủ trương cấp GCNQSDĐ theo Quyết định 283/1999/QĐ-UBND ngày 13/02/1999 của UBND tỉnh A quy định về trình tự thủ tục cấp GCNQSDĐ ở, đất vườn, đất chuyên dùng tại nông thôn. Bà Trần Thị Ú1 làm đơn xin đăng ký QSDĐ (tòa bộ diện tích đất gồm luôn căn nhà của vợ chồng bà Nguyễn Thị N đã tồn tại trên đất từ trước năm 1975 diện tích 833m^2 đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm, thuộc tờ bản đồ số 15, thửa số 86, đất tọa lạc tại ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

Hồ sơ được Hội đồng xét cấp giấy xã K thống nhất và có Tờ trình số 01/TT-UB ngày 05/6/2001 trình UBND huyện để cấp GCNQSDĐ;

Đến ngày 07/6/2001, bà Trần Thị Ú1 được cấp GCNQSDĐ số 03149/hB, diện tích 833m^2 đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm, thuộc tờ bản đồ số 15, thửa số 86, đất tọa lạc tại ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

Do đó, việc cấp GCNQSDĐ số 03149/hB, diện tích 833m^2 đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm, thuộc tờ bản đồ số 15, thửa số 86, đất tọa lạc tại ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang cho bà Trần Thị Ú1 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 5, 6 Bản quy định của Quyết định 283/1999/QĐ-UBND ngày 13/02/1999 của UBND tỉnh A.

Về đối tượng sử dụng đất theo GCNQSDĐ số 03149/hB, ngày 07/6/2001.

Theo quy định tại Điều 1 Bản quy định của Quyết định 283/1999/QĐ-UBND ngày 13/02/1999 của UBND tỉnh A như sau: Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở, đất chuyên dụng, đất vườn tại nông thôn theo hiện trang sử dụng ổn định, không tranh chấp thực hiện việc kê khai đăng ký cấp GCNQSDĐ đồng loạt trên từng ấp đã xây dựng xong bản đồ địa chính."

Và tại Điều 36 Luật đất đai năm 1993 quy định "Trong trường hợp thửa đất có nhiều cá nhân không cùng một hộ gia đình, không cùng một tổ chức sử dụng, thì GCNQSDĐ được cấp đến từng tổ chức, từng hộ gia đình, từng cá nhân.

Tại thời điểm bà Trần Thị Ú1 kê khai xin cấp GCNQSDĐ, thì trên khu vực đất có tồn tại căn nhà của Vợ chồng bà N đã cất nhà sử dụng ổn định từ trước năm 1975.

Nên việc bà Trần Thị Ú1 nộp đơn kê khai xin cấp GCNQSDĐ, mà trên đất có tồn tại căn nhà của Vợ chồng bà N đã cất nhà sử dụng ổn định từ trước, cho nên việc cấp GCNQSDĐ số 03149/hB, diện tích 833m^2 đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm, thuộc tờ bản đồ số 15, thửa số 86, đất tọa lạc tại ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang cho bà Trần Thị Ú1 đứng tên là chưa đúng đối tượng sử dụng đất.

Tại phiên tòa:

- Bà Nguyễn Thị N tự nguyện cắt chiều ngang đất phía trước giáp đường liên xã 0,5m^2, chiều ngang phía sau hậu 0,5m^2 tại các điểm D,E,12,2 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 24/4/2023 để cho gia đình ông H sử dụng làm lối đi từ nhà ông H ra đường liên xã, và tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng.

- Thống nhất kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, định giá và đo đạc.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N, có bà Văng Thị V, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

+ Công nhận cho bà N được quyền sử dụng diện tích 65,5 m^2 đất, tại các điểm 1, D, E, 31, 8, theo Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 24/4/2023 do Văn phòng Đ2 Chi nhánh C1.

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 03149/hB ngày 07/06/2001 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Trần Thị Út .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nhĩ .1 Bà N được quyền sử dụng diện tích 65,5 m^2 đất, tại các điểm 1, D, E, 31, 8, theo Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 24/4/2023 do Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh C1 và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 03149/hB ngày 07/06/2001 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Trần Thị Ú1 đứng tên.

Bị đơn ông H và các thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị Ú1 được quyền sử dụng đất tại các điểm D,E,12,2 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 24/4/2023 do Văn phòng Đ2 Chi nhánh C1 lập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Bà Nguyễn Thị N khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp về quyền sử dụng đất với ông Võ Minh H, đất tọa lạc tại xã K, huyện C, tỉnh An Giang và thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Trần Thị Ú1 là mẹ ruột của ông H đứng tên. Căn cứ vào các Điều 26, 34, 37, 38, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật;

[1.2.] Các ông: Võ Minh H, Võ Minh T, Võ Minh V1, Võ Văn G (có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng); Ủy ban nhân dân huyện C (có văn bản xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng). Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu công nhận cho bà được quyền sử dụng diện tích 65,5 m^2 đất, tại các điểm 1, D, E, 31, 8, theo Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 24/4/2023 do Văn phòng Đ2 Chi nhánh C1 thực hiện và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 03149/hB ngày 07/06/2001 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Trần Thị Ú1 đứng tên.

[2.2]. Hội đồng xét xử nhận thấy nguồn gốc đất tranh chấp là của ông bà để lại không có giấy tờ chứng minh, bà Nguyễn Thị N và chồng là ông Lê Văn L và các con, cất nhà ở ổn định từ trước năm 1974, đất tọa lạc tại ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang, trong quá trình sử dụng đất gia đình bà N đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước đúng theo quy định. Trên đất tranh chấp có 02 căn nhà: nhà của vợ chồng bà Nguyễn Thị N ở phía trước và nhà của bà Trần Thị Ú1 ở phía sau.

Năm 2001, bà Trần Thị Ú1 làm đơn đăng ký toàn bộ diện tích đất gồm luôn căn nhà của bà Nguyễn Thị N đã tồn tại trên đất từ trước năm 1974. Việc bà Trần Thị Ú1 (mẹ của bị đơn Võ Minh H là hộ ở phía sau nhà bà N) kê khai, đo đạc đất thì bà N không hay biết, không ký tên biên bản tứ cận. Đến ngày 07/6/2001 bà Trần Thị Ú1 được UBND huyện C cấp GCNQSDĐ số 03149/hB, diện tích 833m^2 đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm, thuộc tờ bản đồ số 15, thửa số 86, đất tọa lạc tại ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

[2.3]. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục xem xét thẩm định tại chỗ, định giá và đo đạc phần đất đang tranh chấp thì hiện trạng đất bà N đang sử dụng đúng theo Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 07/11/2022 do Văn phòng Đ2 Chi nhánh C1 thực lập, tại các điểm 1, 2, 11, 12, 31, 8 có diện tích 79,6 m^2 đất. Tuy nhiên, theo Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 07/11/2022 thì lối đi từ đường liên xã vào nhà của ông Võ Minh H có diện tích chiều ngang khoảng 1m hơi hẹp khó lưu thông xe gắn máy qua lại, nên bà N đồng ý, tự nguyện cắt giảm diện tích phần đất bà đang sử dụng cho lối đi

vào nhà ông H được rộng thêm chiều ngang 0,5m, dài hết lối đi. Đến ngày 24/4/2023 Văn phòng Đ2 Chi nhánh C1 thực hiện điều chỉnh Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp giảm diện tích 14,1m^2, hiện trạng sử dụng đất của bà N sau khi cắt giảm còn lại tại các điểm 1, D, E, 31, 8 có diện tích là 65,5 m^2. theo Sơ đồ hiện trạng khu đất ngày 24/4/2023 do Văn phòng Đ2 Chi nhánh C1 lập.

4] Xét thấy, tại thời điểm bà Trần Thị Ú1 kê khai xin cấp GCNQSDĐ thì trên khu đất đã có tồn tại căn nhà của Vợ chồng bà N đã cất và sử dụng ổn định từ trước năm 1974. Ngoài ra, còn phù hợp với lời khai của ông Võ Minh H, ông Võ Minh V1 và ông Võ Văn G (bút lục số 56, 145), là con ruột của bà Ú1 đều xác nhận nhà bà Nhĩ cất trước năm 1974, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ú1, qua xem xét toàn bộ hồ sơ bà Ú1 xin đăng ký quyền sử dụng đất thì hoàn toàn không có bất cứ văn bản hay chữ ký tên của vợ chồng bà N trong hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ú1, còn phù hợp với Công văn số 770/UBND-NC ngày 30/3/2022 của UBND huyện C (bút lục số 114). Ngoài ra, ông H, ông V1 và ông G cho rằng hộ bà N ở nhờ trên đất của ông nội nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh bà N ở nhờ trên đất; còn bà N không thừa nhận ở nhờ trên đất nên lời khai của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận. Do đó, việc UBND huyện C cấp GCNQSDĐ số vào sổ 03149/hB ngày 07/06/2001, diện tích 833m^2 đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm, thuộc tờ bản đồ số 15, thửa số 86, đất tọa lạc tại ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang cho bà Trần Thị Ú1 đứng tên là chưa đúng đối tượng sử dụng đất là trái với pháp luật đất đai cần phải hủy bỏ.

[3]. Từ các nhận định như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nhĩ .1

- Bà Nguyễn Thị N được quyền sử dụng diện tích 65,5 m^2 đất tại các điểm 1, D, E, 31, 8 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 24/4/2023 do Văn phòng Đ2 Chi nhánh C1, tỉnh An Giang lập, đất tọa lạc tại ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang;

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 03149/hB ngày 07/6/2001 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Trần Thị Ú1 đứng tên ;

- Bị đơn ông H và các thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị Ú1 được quyền sử dụng đất tại các điểm D, E, 12, 2 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 24/4/2023 do Văn phòng Đ2 Chi nhánh C1, tỉnh An Giang lập, đất tọa lạc tại ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

[4]. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá là 2.864.000 đồng; chi phí đo đạc là 2.335.460 đồng, tổng cộng là 5.199460 đồng. Bà Nhĩ tự nguyên chịu toàn bộ các khoản chi phí tố tụng, bà N đã nộp tiền đủ nên bà N không phải nộp tiền thêm.

[5]. Về án phí: Bà N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn ông Võ Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 34, 37, 38, 39, 147, 156, 157, 164, 165, 227, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, 236 Bộ luật dân sự; Điều 166, 203 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N;

- Bà Nguyễn Thị N được quyền sử dụng diện tích 65,5m^2 đất, tại các điểm 1, D, E, 31, 8 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 24/4/2023 do Văn phòng Đ2 Chi nhánh C1, tỉnh An Giang lập, đất tọa lạc tại ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 03149QSDĐ/hB ngày 07/6/2001 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho bà Trần Thị Ú1 đứng tên;

- Bị đơn ông Võ Minh H và các thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị Ú1 được quyền sử dụng đất tại các điểm D, E, 12, 2 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 24/4/2023 do Văn phòng Đ2 Chi nhánh C1, tỉnh An Giang lập, đất tọa lạc tại ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

- Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 24/4/2023 do Văn phòng Đ2 Chi nhánh C1, tỉnh An Giang lập là một phần không tách rời bản án.

- Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị N, ông Võ Minh H và các thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị Ú1 có nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục, đăng ký kê khai cấp quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật đất đai.

Về chi phí tố tụng:

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá và đo đạc tổng cộng là 5.199.460 đồng, bà Nguyễn Thị N tự nguyện chịu toàn bộ các khoản chi phí tố tụng, bà N đã nộp tiền đủ.

Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;

- Ông Võ Minh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại TP . Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Thành Phố Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Thám